

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN NĂM 2020
*(Theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính
hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)*

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên Công ty: Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 4400115690 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp lần đầu ngày 15 tháng 03 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 08 tháng 6 năm 2020.
- Vốn điều lệ: 383.981.790.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm tám mươi ba tỷ chín trăm tám mươi một triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 428.247.755.741 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm hai mươi tám tỷ hai trăm bốn mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn bảy trăm bốn mươi một đồng).
- Trụ sở chính: Số 05 Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên.
- Điện thoại: (0257) 3823 557
- Fax: (0257) 3828 388
- Website: capthoatnuocpy.com.vn
- Mã chứng khoán: PWS

- Quá trình hình thành và phát triển:

Tiền thân của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên là Ban Quản lý các công trình nhà máy nước tỉnh Phú Yên và đã trải qua nhiều giai đoạn phát triển:

+ Giai đoạn 9/1996 – 8/2000:

Được thành lập vào ngày 28/9/1996 trên cơ sở tổ chức lại Ban Quản lý các công trình nhà máy nước tỉnh Phú Yên, với tên gọi là Công ty Cấp nước Phú Yên hoạt động công ích theo Quyết định số 1443/QĐ-UB của UBND Tỉnh, quản lý và khai thác nhà máy nước thị xã Tuy Hòa với công suất là 5.000m³/ngày.

+ Giai đoạn 9/2000 – 11/2005:

Ngày 14/8/2000 Công ty được đổi tên thành Công ty Cấp thoát nước Phú Yên theo Quyết định số 2025/QĐ-UB của UBND tỉnh với chức năng, nhiệm vụ

được giao thêm là quản lý, khai thác, duy tu, sửa chữa hệ thống thoát nước thị xã Tuy Hòa (nay là thành phố Tuy Hòa).

+ *Giai đoạn 12/2005 đến nay:*

Từ ngày 22/12/2005, Công ty được đổi tên thành Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Phú Yên, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo Quyết định số 2878/QĐ-UBND của UBND tỉnh.

Ngày 10/11/2015 được chuyển thành Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4400115690 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

2.1. Ngành nghề kinh doanh chính:

- Khai thác, xử lý và phân phối nước sạch;
- Hoạt động vệ sinh môi trường (Dịch vụ thoát nước đô thị);

2.2. Địa bàn kinh doanh:

Địa bàn kinh doanh Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên như sau:

- Nhà máy nước Tuy Hòa – thành phố Tuy Hòa; huyện Tuy An: Một phần xã An Chấn; huyện Phú Hòa: Xã Hòa An (bao gồm điểm tiêu thụ Công nghiệp Hòa An), thị xã Đông Hòa: Các phường Hòa Vinh, Hòa Hiệp Trung, Hòa Hiệp Bắc, Hòa Hiệp Nam, một phần xã Hòa Tân Đông và xã Hòa Thành;
- Nhà máy nước Sông Cầu – thị xã Sông Cầu và các vùng lân cận;
- Nhà máy nước Đông Bắc Sông Cầu – xã Xuân Bình, Xuân Lộc, Xuân Hải và Khu Công nghiệp Đông Bắc Sông Cầu thuộc thị xã Sông Cầu;
- Nhà máy nước Tuy An – huyện Tuy An;
- Nhà máy nước Đồng Xuân – huyện Đồng Xuân;
- Nhà máy nước Hai Riêng – huyện Sông Hinh;
- Nhà máy nước Củng Sơn – huyện Sơn Hòa;
- Nhà máy nước Phú Hòa – huyện Phú Hòa;
- Nhà máy nước Vũng Rô – xã Hòa Xuân Nam, thị xã Đông Hòa.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

3.1. Mô hình quản trị:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Tổng Giám đốc.

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

- *Ban Tổng Giám đốc:*
 - + Tổng Giám đốc;
 - + Phó Tổng Giám đốc phụ trách khách hàng;
 - + Phó Tổng Giám đốc phụ trách sản xuất, đầu tư xây dựng cơ bản.
- *Các phòng chức năng, xí nghiệp gồm:*

- + Phòng Hành chính – Tổng hợp;
- + Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật;
- + Phòng Kế toán – Tài vụ;
- + Phòng Quản lý đầu tư – Xây dựng cơ bản;
- + Xí nghiệp Tư vấn – Xây lắp;
- + Xí nghiệp Cấp nước số 1;
- + Xí nghiệp Cấp nước số 2;
- + Xí nghiệp Cấp nước số 3.

3.3. Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Định hướng phát triển:

4.1. Các mục tiêu chủ yếu:

- Dịch vụ cấp nước ổn định, liên tục 24 giờ trong ngày;
- Đảm bảo hoạt động đúng ngành nghề theo Điều lệ Công ty và đầu tư chuyên sâu vào lĩnh vực cấp nước đô thị;
- Đầu tư phát triển đảm bảo đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội của địa phương; đảm bảo các mục tiêu an sinh xã hội của nhà nước;
- Định hướng đầu tư phát triển bền vững và theo lộ trình đổi mới, sắp xếp doanh nghiệp của Chính phủ;
- Các chỉ tiêu: Sản lượng tiêu thụ, doanh thu, lợi nhuận tăng trưởng ổn định, bền vững;
- Dịch vụ vận hành hệ thống thoát nước thải thành phố Tuy Hòa theo hợp đồng kinh tế;
- Việc làm của người lao động ổn định, thu nhập bình quân đầu người ngày càng được cải thiện.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn (giai đoạn 2021-2025):

Phấn đấu đến hết năm 2025:

- Công suất thiết kế toàn Công ty đạt từ 90.000 m³/ng.đ – 110.000 m³/ng.đ (chưa bao gồm hệ thống cấp nước Khu kinh tế Nam Phú Yên), đảm bảo năng lực sản xuất nước sạch đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn toàn tỉnh theo Quy hoạch cấp nước vùng tỉnh Phú Yên đã được phê duyệt.
- Dân số đô thị được sử dụng nước sạch khoảng 500.000 người, tiêu chuẩn cấp nước bình quân đạt 120lít/người/ng.đ. Dân số khu vực nông thôn được sử dụng nước sạch đạt khoảng 200.000 người, tiêu chuẩn cấp nước bình quân đạt 90 lít/người/ng.đ.
- Chất lượng nước cấp đạt quy chuẩn theo quy định.
- Dịch vụ cấp nước ổn định, liên tục 24 giờ trong ngày; áp lực nước trên toàn mạng đạt quy chuẩn quy định, áp lực tại điểm bất lợi nhất đạt 12m cột nước .
- Đảm bảo hoạt động đúng ngành nghề theo Điều lệ Công ty, đầu tư chuyên sâu vào lĩnh vực cấp thoát nước đô thị và nghiên cứu xem xét mở rộng ngành nghề kinh doanh phù hợp, tăng số lượng sản phẩm phục vụ xã hội.

- Định hướng đầu tư phát triển bền vững và theo lộ trình đổi mới, sắp xếp doanh nghiệp của Chính phủ.

- Đảm bảo vận hành hệ thống thoát nước thải thành phố Tuy Hòa theo hợp đồng với UBND thành phố Tuy Hòa.

- Các chỉ tiêu: Sản lượng tiêu thụ, doanh thu, lợi nhuận tăng trưởng ổn định, bền vững.

- Đời sống của người lao động ngày càng được cải thiện, thu nhập bình quân đầu người ở mức trên trung bình so với các doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh.

- Tập trung mọi nguồn lực để đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước Khu kinh tế Nam Phú Yên đảm bảo phù hợp với tiến độ hình thành và phát triển của Khu Kinh tế.

4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

- Từng bước chuyển đổi nguồn nước khai thác từ nước dưới đất sang nước mặt ở những khu vực có điều kiện khai thác nước mặt, phù hợp với công nghệ của từng nhà máy để đảm bảo tính bền vững, giảm chi phí, phấn đấu đến năm 2025 đạt trên 90% sản lượng khai thác nguồn nước mặt; chuyển dần sang sử dụng nguồn năng lượng thiên nhiên (năng lượng mặt trời); chú trọng đến công tác bảo vệ môi trường trong khai thác nước và xử lý nước thải của các nhà máy.

- Đáp ứng đủ nhu cầu nước sinh hoạt cho cộng đồng, góp phần nâng cao sức khỏe cộng đồng, giảm thiểu bệnh tật do sử dụng nguồn nước ô nhiễm.

- Chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật về khai thác và kinh doanh nước sạch; hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ thuế với nhà nước.

- Phát triển bền vững, đảm bảo hài hòa lợi ích giữa doanh nghiệp, người lao động và cổ đông Công ty.

5. Rủi ro:

- Biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp, hạn hán, nhiễm mặn diễn ra trên diện rộng và kéo dài hơn so các năm trước gây ra thiếu nguồn nước thô phục vụ sản xuất làm giảm sản lượng cung cấp cho khách hàng (NMN Sông Cầu). Quản lý nguồn nước (đặc biệt là nguồn nước mặt) tại một số địa phương còn chưa chặt chẽ, nhất là công tác quản lý các hộ kinh doanh nhỏ lẻ xả thải chưa qua hệ thống xử lý có nguy cơ gây ô nhiễm nguồn nước. Các giếng khai thác được đặt ở các vị trí ven sông, nguy cơ sạt lở trong mùa mưa lũ cao, ảnh hưởng đến khả năng khai thác của các nhà máy.

- Dân cư phân bố không đồng đều nên những khu vực xa trung tâm, nằm ngoài thành phố hoặc các thị trấn có mật độ dân cư thưa dẫn đến hiệu suất đầu tư thấp, thường xuyên bù lỗ. Một số khu vực đã đầu tư mạng lưới cấp nước nhưng do người dân có thói quen và ưu tiên sử dụng nước giếng khoan, giếng đào nên rất hạn chế sử dụng nguồn nước Công ty cung cấp dẫn đến hiệu quả đầu tư tại một số khu vực không cao.

- Một số tuyến ống được đầu tư trên 15 năm thường xuyên rò rỉ làm tăng chi phí sửa chữa và thất thoát lớn.

- Công tác chỉnh trang đô thị, công tác mở rộng nâng cấp các tuyến đường đô thị thực hiện chưa đồng bộ, chưa phối hợp chặt chẽ giữa các chủ đầu tư và các đơn vị quản lý hạ tầng kỹ thuật trong đó có hạ tầng cấp nước dẫn đến một số tuyến ống bị bể trong quá trình thi công hoặc bị lấp sâu do nâng cao độ nền đường, nền vỉa hè gây khó khăn trong việc kiểm soát thất thoát rò rỉ và đấu nối khách hàng. Hàng năm Công ty phải tự bỏ kinh phí tương đối lớn để thực hiện di dời các tuyến ống do mở rộng các tuyến đường giao thông; Tình trạng khách hàng tự ý đấu nối sử dụng nước chưa qua đồng còn diễn ra.

- Dân cư phân bố không đồng đều, mật độ dân số thấp và tập quán sử dụng nguồn nước tự nhiên để sinh hoạt dẫn đến suất đầu tư cho cấp nước tăng cao, hiệu suất đầu tư thấp, thường xuyên bù lỗ.

- Việc khoan khai thác nước ngầm trái phép để sản xuất, sinh hoạt còn rất phổ biến trên địa bàn toàn tỉnh làm giảm nhu cầu dùng nước sạch và giảm hiệu quả đầu tư các dự án cấp nước trên địa bàn.

II. Tình hình hoạt động năm 2020:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2020 được thể hiện trong bảng sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2020	Thực hiện năm 2020	So với kế hoạch (%)
1	Sản lượng nước sản xuất	m ³	14.260.000	14.753.000	103,5
2	Sản lượng nước tiêu thụ	m ³	11.480.000	11.454.000	99,8
3	Tỷ lệ nước thất thoát, thất thu	%	19,5	22,4	2,9
4	Tổng doanh thu và thu nhập	Tr.đồng	116.000	119.562	103,1
	<i>Trong đó:</i>				
	- Hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch	Tr.đồng	102.400	101.952	99,6
	- Hoạt động kinh doanh khác	Tr.đồng	2.000	3.384	169,2
	- Hoạt động tài chính	Tr.đồng	11.000	13.782	125,3
	-Thu nhập khác	Tr.đồng	600	444	74,00%
5	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	21.000	23.205	110,5
6	Nộp ngân sách (miễn thuế TNDN)	Tr.đồng	10.500	10.483	99,8
7	Tỷ lệ cổ tức	%	3,5	6,0	171,4

* **Ghi chú:** Tỷ lệ trả cổ tức năm 2020 bằng 6,0% là số dự kiến trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 quyết định.

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1. Danh sách Ban điều hành:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ngày sinh	Địa chỉ	Trình độ nghề nghiệp	Ngày bổ nhiệm	Tỷ lệ cổ phần sở hữu
1	Đỗ Hoàng Long	Tổng Giám đốc	15/2/1975	106 Mạc Đĩnh Chi, Phường Lê Thanh Nghị, TP Hải Dương	Thạc sỹ Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	11/05/2020	Đại diện phần vốn C.ty Aqua One: 29,79%
2	Nguyễn Phú Liệu	Phó Tổng Giám đốc	08/9/1966	Tổ 13, khu phố Trần Phú, P8, Tp. Tuy Hòa, Phú Yên	Kỹ sư Xây dựng-CN Cấp thoát nước	11/05/2020	Đại diện phần vốn Nhà nước: 10%; Cá nhân: 0,0130%
3	Nguyễn Tấn Thuận	Phó Tổng Giám đốc	28/5/1967	123 Hùng Vương, Phường 6, Tp. Tuy Hòa, Phú Yên	Kỹ sư Xây dựng Dân dụng và công nghiệp; Thạc sỹ Quản trị kinh doanh	11/05/2020	ĐD phần vốn NN: 28,39% Cá nhân: 0,1291%
4	Nguyễn Thị Xuân Tụ	Phụ trách Kế toán	19/8/1976	KP 4, Phường 2, Tp Tuy Hòa, Phú Yên	Cử nhân Kế toán doanh nghiệp	01/01/2020	0,006%

2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành:

Châm dứt HĐLĐ đối với bà Trần Thị Lục Hà, Kế toán trưởng Công ty từ 01/04/2020; bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Xuân Tụ giữ chức vụ Phụ trách kế toán từ 01/01/2020, đến ngày 11/01/2021 được bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty.

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi chính sách đối với người lao động:

Tổng số cán bộ, người lao động trong Công ty tính đến ngày 31/12/2020 là: 212 người, phân loại lao động chi tiết theo bảng sau:

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Tổng số		
1. Phân loại theo trình độ lao động	212	100
- Trình độ trên Đại học	03	1,42
- Trình độ Đại học	73	34,43

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
- Trình độ Cao đẳng	19	8,96
- Trình độ Trung cấp	38	17,92
- Chứng chỉ nghề	76	35,85
- Công nhân kỹ thuật		
- Lao động phổ thông	03	1,42
2. Phân theo loại hợp đồng lao động	212	100
- Hợp đồng lao động không xác định thời hạn	152	71,70
- Hợp đồng lao động có thời hạn từ 1-3 năm	58	27,36
- Hợp đồng lao động thời vụ, thử việc	02	0,94
3. Phân theo giới tính	212	100
- Nam	159	75,00
- Nữ	53	25,00

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách, phúc lợi cho người lao động như chế độ lương, thưởng, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm thân thể, tiền ăn ca, đồng phục, bảo hộ lao động, tham quan, khám sức khỏe định kỳ, thăm hỏi ốm đau, và nhiều hoạt động chăm lo đời sống vật chất, tinh thần khác.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

3.1. Các khoản đầu tư lớn: Công ty thực hiện đầu tư xây dựng trong năm 2020 như sau:

Stt	Tên dự án, công trình	Thời gian hoàn thành	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Kế hoạch năm 2020 (tỷ đồng)	Giải ngân năm 2020 (tỷ đồng)
	Tổng cộng		518,80	186,19	48,66
I	Vốn góp cổ đông		150	64,59	25,81
1	Đầu tư cải tạo, nâng cấp Nhà máy nước Tuy Hòa đạt công suất 28.000m ³ /ng.đ	26/2/2020	80	15	25,75
2	Đầu tư nâng cấp nhà máy nước khu vực Đông Bắc Sông Cầu từ 900 m ³ /ngày đêm lên 10.000 m ³ /ng.đ (Phân kỳ đầu tư, giai đoạn đến 2025: 5000 m ³ /ng.đ; giai đoạn đến 2030: 10.000 m ³ /ng.đ		40	40	0,01

Stt	Tên dự án, công trình	Thời gian hoàn thành	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Kế hoạch năm 2020 (tỷ đồng)	Giải ngân năm 2020 (tỷ đồng)
3	Nâng cấp, mở rộng Nhà máy nước Sông Cầu từ 5.000m ³ /ngày đêm lên 8.000m ³ /ngày đêm		30	9,59	0,05
II	Vốn đầu tư phát triển của Công ty và huy động các nguồn khác		291,60	98,60	16,75
1	Đầu tư nâng cấp nhà máy nước khu vực Đông Bắc Sông Cầu từ 900 m ³ /ngày đêm lên 10.000 m ³ /ng.đ (Phân kỳ đầu tư, giai đoạn đến 2025: 5000 m ³ /ng.đ; giai đoạn đến 2030: 10.000 m ³ /ng.đ		70	0	-
2	Cải tạo mạng lưới đường ống hệ thống cấp nước thị trấn Củng Sơn đạt công suất 3.000 m ³ /ng.đ	7/8/2020	3	3	1,50
3	Xây dựng hệ thống cấp nước cho thị trấn Phú Thứ sử dụng nguồn nước Nhà máy nước Phú Hòa		15	10	0,15
4	Phát triển tuyến ống cấp nước cho các khu dân cư các xã An Ninh Đông, An Ninh Tây - huyện Tuy An	18/6/2020	2	2	0,96
5	Cải tạo, nâng công suất mạng lưới đường ống cấp nước thành phố Tuy Hòa, gồm: cải tạo bể lọc, trạm bơm 2, đầu tư mới kết hợp cải tạo tuyến ống chuyên tải và phân phối		170	50	0,18
6	Mái che cho khu xử lý nước Bình Ngọc và lắp đặt hệ thống pin mặt trời, công suất 130 kWh	22/11/2020	7	7	2,66
7	Khảo sát, nghiên cứu, lập đề xuất dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước Nam Phú Yên, CS 100.000 m ³ /ng.đ: Công tác chuẩn bị đầu tư		0	2	-

Stt	Tên dự án, công trình	Thời gian hoàn thành	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Kế hoạch năm 2020 (tỷ đồng)	Giải ngân năm 2020 (tỷ đồng)
8	Thay đổi công nghệ; thay thế máy móc thiết bị; Thay thế một số tuyến cũ		11	11	2,19
9	Mua sắm ô tô loại 7 chỗ phục vụ điều hành sản xuất	22/1/2020	1,6	1,6	1,56
10	Phát triển tuyến ống dịch vụ cấp nước khu dân cư một số khu vực TP Tuy Hòa và thị xã Đông Hòa	25/11/2020	12	12	7,52
11	Mua máy chủ và nâng cấp phần mềm quản lý khách hàng				0,03
III	Dự án bổ sung trong năm 2020		40	10	0,11
1	Cải tạo, nâng công suất NMN Chí Thạnh và mở rộng hệ thống đường ống, công suất 15.000m ³ /ngđ, gđ1(đến 2025): 9.000m ³ /ngđ		40	10	0,11
IV	Dự án bổ sung ngoài kế hoạch đầu tư phát triển năm 2020		37,20	13,00	5,30
1	Xây dựng đường ống mạng lưới đường ống cấp nước xã Hòa Trị, huyện Phú Hòa		9	5	-
2	Xây dựng đường ống mạng lưới đường ống cấp nước xã Hòa An, huyện Phú Hòa		5	3	-
3	Di dời tuyến ống truyền tải nước sạch và tuyến ống cấp nước qua cầu Trần Hưng Đạo trên Quốc Lộ 25		14	5	5,30
4	Di dời tuyến ống cấp nước D377 và các tuyến ống phân phối cấp nước - Phục vụ dự án cải tạo, nâng cấp các đoạn xung yếu trên Quốc Lộ 25		6,2		-
5	Phát triển tuyến ống cấp nước khu dân cư thôn Bình Thạnh, xã An Ninh Tây, huyện Tuy An		3		-
V	Trả nợ khối lượng thực hiện của các năm trước chuyển				0,70

Stt	Tên dự án, công trình	Thời gian hoàn thành	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Kế hoạch năm 2020 (tỷ đồng)	Giải ngân năm 2020 (tỷ đồng)
	sang				

3.2. Tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán chứng khoán ra công chúng:

Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên đã có báo cáo số 23/BC-CTN ngày 24/3/2021 gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc báo cáo tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán chứng khoán ra công chúng.

3.2. Các công ty con, công ty liên kết: Không

4. Tình hình tài chính:

4.1. Tình hình tài chính:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Tăng/giảm (±%)
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4=(3-2)/2</i>
Tổng giá trị tài sản	560.901.729.146	535.264.596.172	-4,6
Doanh thu thuần	107.269.858.264	105.336.436.363	-1,8
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30.070.077.873	24.751.421.729	-17,7
Lợi nhuận khác	(1.026.951.900)	(1.546.650.537)	50,6
Lợi nhuận trước thuế	29.043.125.973	23.204.771.192	-20,1
Lợi nhuận sau thuế	26.386.738.654	21.056.630.441	-20,2
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	5,5%	6,0%	9,1

* **Ghi chú:** Tỷ lệ trả cổ tức năm 2020 bằng 6,0% là số dự kiến trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 quyết định.

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	5,95	7,69	
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh:	5,89	7,50	
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>			
<u>Nợ ngắn hạn</u>			
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,23	0,20	

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Ghi chú
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,31	0,25	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	18,76	16,01	
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	18,76	16,01	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,19	0,20	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,25	0,20	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,076	0,049	VHSH bq
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,055	0,038	TTS bq
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,28	0,23	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu:

5.1. Cổ phần:

- Tổng số phiếu: 38.398.179 cổ phiếu (mệnh giá 10.000đ/cổ phần), trong đó:
- + Cổ phiếu chuyển nhượng tự do: 38.064.479 cổ phiếu
- + Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: 333.700 cổ phiếu
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.

5.2. Cơ cấu cổ đông:

Bảng 1: Cổ đông lớn (nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần) và cổ đông nhỏ

Stt	Tên cổ đông	CMT/ GCN ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	% VDL
1	Công ty Cổ phần nước Aqua One	Số 0313062501 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 23/12/2014 và sửa đổi lần thứ 2 ngày 03/02/2015	452 Lạc Long Quân, phường Nhật Tân, Quận Tây Hồ, Hà Nội.	22.879.025	59,58

Stt	Tên cổ đông	CMT/ GCN ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	% VDL
2	Ủy ban Nhân dân tỉnh Phú Yên		Số 07 Đường Độc Lập, Phường 7, Tp.Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	14.740.600	38,39
3	Cổ đông còn lại			778.554	2,03
Tổng cộng				38.398.179	100

Bảng 2: Cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài

Stt	Họ và tên	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
1	Cổ đông trong nước	205	38.398.179	100%
	Tổ chức	2	37.619.625	97,97%
	Cá nhân	203	778.554	2,03%
2	Cổ đông nước ngoài	0	0	0
3	Cổ phiếu quỹ	0	0	0
Tổng cộng		205	38.398.179	100%

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có thay đổi

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có giao dịch trong năm 2020.

5.5. Các chứng khoán khác: Không phát hành trong năm 2020.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng trong năm 2020 để sản xuất chủ yếu gồm các loại hóa chất dùng xử lý nước như: Clo 22,0 tấn; PAC 121,4 tấn, Phèn Nhôm 8,2 tấn; Xút (NaOH) 3,9 tấn.

- Nguyên vật liệu được sử dụng để đóng gói: Không.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) *Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:*

Tổng lượng điện tiêu thụ khoảng 4,8 triệu kw.

b) *Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:* Không.

c) *Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này:* Không.

6.3. Tiêu thụ nước (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm):

a) *Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:*

Nguồn nước: Do Công ty cung cấp.

Lượng nước sử dụng khoảng 3.800m³/năm.

b) *Tỷ lệ phân trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng:* Không

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) *Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:* Không

b) *Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:* Không

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) *Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:*

- Số lượng lao động tới thời điểm ngày 31/12/2020: 212 người

- Mức lương bình quân:

+ Mức lương bình quân Công ty năm 2019: 7.364.500 đồng/người/tháng.

+ Mức lương bình quân Công ty năm 2020: 7.734.000 đồng/người/tháng.

b) *Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:* Trang bị đồng phục, bảo hộ lao động (5.000.000 đồng/người/năm); khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho người lao động trong Công ty; mua bảo hiểm thân thể cho toàn thể người quản lý, người lao động trong Công ty...

c) *Hoạt động đào tạo người lao động:*

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: Doanh nghiệp chưa áp dụng chỉ số KPI về đào tạo.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Trong năm tổ chức 07 đợt đào tạo bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho người lao động trong Công ty. Ngoài ra, còn tổ chức cho người quản lý và người lao động đi tham quan học hỏi

kinh nghiệm tại các Công ty cấp nước bạn kết hợp với các chương trình tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

- Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: Tích cực tham gia đóng góp ủng hộ các quỹ xã hội, từ thiện do các cấp phát động. Trong năm 2020 tổng số tiền đóng góp từ nguồn quỹ của Công ty và của người lao động hơn 815 triệu đồng.

- Ngoài ra thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh Phú Yên, Công ty đã giảm 10% giá nước sinh hoạt cho tất cả các hộ gia đình và qua đồng hồ tổng trên địa bàn toàn tỉnh trong 03 tháng 3, 4 và 5/2020 với tổng giá trị hơn 1,9 tỷ đồng.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

a) Đánh giá kết quả hoạt động:

- Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính theo kế hoạch cơ bản hoàn thành, doanh thu và lợi nhuận đạt kết quả tốt, vượt chỉ tiêu kế hoạch giao; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thu nộp ngân sách.

- Tổng doanh thu và thu nhập trong năm cao hơn kế hoạch đề ra, trong đó Doanh thu từ hoạt động kinh doanh nước sạch chiếm phần lớn trong tổng doanh thu (85%); doanh thu hoạt động tài chính đạt 125,3% kế hoạch.

b) Những tiến bộ Công ty đã đạt được:

- Áp dụng nhiều công nghệ tiên tiến trong quản lý hệ thống cấp nước như Scada, sử dụng biến tần điều khiển tự động áp lực và lưu lượng trạm bơm cấp 2 theo nhu cầu dùng nước của khách hàng thay vì điều khiển bằng tay; giám sát và đo liên tục 24/24 giờ một số chỉ tiêu quan trọng bằng thiết bị đo tự động.

- Phạm vi cung cấp nước ngày càng mở rộng, tỷ lệ dân số thành thị được cung cấp nước sạch năm sau cao hơn năm trước; áp lực và lưu lượng cung cấp đến khách hàng được duy trì ổn định và đáp ứng nhu cầu dùng nước của khách hàng; chất lượng sản phẩm nước sạch đến người tiêu dùng luôn được kiểm soát theo Quy chuẩn của Bộ Y tế.

- Công tác chăm sóc khách hàng ngày càng được chú trọng, đáp ứng kịp thời các yêu cầu của khách hàng về lắp đặt hoặc tư vấn dùng nước sau đồng hồ; bố trí trực nhật và đảm bảo tiếp nhận kịp thời mọi thông tin, phản ánh từ khách hàng. Qua đó ngày càng nâng cao sự hài lòng của khách hàng đối với Công ty.

- Các quy định, quy chế quản lý luôn được hoàn thiện và sửa đổi bổ sung để phù hợp với tình hình cụ thể.

2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản:

Tình hình quản lý tài sản: Công ty mở sổ sách theo dõi chi tiết tình hình biến động các loại tài sản theo đúng quy định của Thông tư số: 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính: "Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp". Tổng giá trị tài sản cuối năm 2020 là 535.264 triệu đồng.

b) Tình hình nợ phải trả:

Quản lý nợ tại doanh nghiệp: Các khoản nợ phải thu, phải trả Công ty mở sổ theo dõi chi tiết cho từng đối tượng, định kỳ đối chiếu công nợ; Công ty không phát sinh các khoản nợ phải trả quá hạn thanh toán.

- Hệ số thanh toán ngắn hạn: (TS ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn): 7,69
- Hệ số thanh toán nhanh: ((TS ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn): 7,50
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản: 0,20
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu: 0,25

Công ty sử dụng vốn hiệu quả, vốn được bảo toàn, đảm bảo khả năng chi trả các khoản nợ (khả năng thanh toán ngắn hạn: 7,69 lần; khả năng thanh toán nhanh là 7,5 lần).

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Ứng dụng phần mềm Scada để giám sát mạng đường ống tại các Nhà máy nước: Tuy Hòa, Tuy An, Đồng Xuân và Sông Hinh; Riêng Nhà máy nước Tuy Hòa đầu tư tự động hóa hoàn toàn; Sử dụng biến tần điều khiển máy bơm tại tất cả các Nhà máy nước thuộc Công ty.

- Ứng dụng nhiều tiện ích của công nghệ thông tin trong công tác quản lý, cung cấp dịch vụ cho khách hàng thông qua website của Công ty với những thông tin như tra cứu về thông tin tiền nước, thanh toán tiền nước, thông tin liên kết thu tiền qua ngân hàng, quy trình và tiến độ giải quyết hồ sơ khách hàng...

- Đa dạng hóa việc thanh toán hóa đơn tiền nước qua hệ thống Ngân hàng bằng các hình thức ủy nhiệm thu; thu qua thẻ ATM, thu tại quầy ngân hàng và tiếp tục nghiên cứu thêm các kênh thanh toán tiện ích cho khách hàng và nâng cao tỷ trọng tiền nước thu được không dùng tiền mặt, đảm bảo công tác quản lý thu nộp tiền nước của Công ty ngày càng an toàn hơn. Triển khai mô hình thu tiền nước tập trung tại tất cả các Xí nghiệp cấp nước.

- Từng bước xây dựng và đào tạo đội ngũ quản lý, chăm sóc khách hàng làm cơ sở cho việc quản lý các phân vùng cung cấp nước nhằm thực hiện hiệu quả công tác giám sát thoát nước và phục vụ khách hàng tốt hơn.

- Ban hành quy định thưởng và xử lý trách nhiệm trong công tác chống thất thoát, thất thu nước sạch nhằm nâng cao vai trò trách nhiệm của người quản lý, người lao động trong việc tham gia chống thất thoát nước sạch và xác định trách nhiệm vật chất của người trực tiếp gây ra thất thoát nước, đồng thời động viên, khuyến khích người lao động cũng như các tổ chức khác trong công tác quản lý chống thất thoát nước sạch tại Công ty.

4. Kế hoạch phát triển năm 2021:

4.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh:

Căn cứ Quyết định số 01/2021/QĐ-HĐQT ngày 11/01/2021 của HĐQT Công ty về việc điều chỉnh Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 và Phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển năm 2021 cụ thể như sau:

- Sản lượng nước sản xuất : 15.150.000 m³;
- Sản lượng nước tiêu thụ : 12.200.000 m³;
- Tỷ lệ nước thất thoát, thất thu : 19,5%;
- Tổng doanh thu : 123.200 triệu đồng;
- Lợi nhuận trước thuế : 22.000 triệu đồng;
- Nộp ngân sách (thuế phí) : 11.000 triệu đồng;
- Tỷ lệ cổ tức : 4,0%.

4.2. Kế hoạch đầu tư phát triển:

Tổng vốn đầu tư xây dựng cơ bản kế hoạch năm 2021: 336.065 triệu đồng.
Chi tiết như bảng sau:

Dvt: Triệu đồng

Stt	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian Khởi công - Hoàn thành	Tổng mức đầu tư dự kiến (tr.đồng)	Kế hoạch vốn năm 2021 (tr.đồng)		Ghi chú
					Vốn góp Cổ đông	Vốn đầu tư phát triển và vốn vay	
I.	Dự án chuyển tiếp từ năm 2020			420.335	69.590	222.255	
1	Nâng cấp, mở rộng nhà máy nước Sông Cầu từ 5.000 m ³ /ngày đêm lên 8.000 m ³ /ngày đêm: - Đầu tư tuyến ống phía Bắc. - Cải tạo công nghệ nhà máy.	Thị xã Sông Cầu	2017-2021	30.000	29.590		

Stt	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian Khởi công - Hoàn thành	Tổng mức đầu tư dự kiến (tr.đồng)	Kế hoạch vốn năm 2021 (tr.đồng)		Ghi chú
					Vốn góp Cổ đông	Vốn đầu tư phát triển và vốn vay	
2	Dự án đầu tư nâng cấp nhà máy nước khu vực Đông Bắc Sông Cầu từ 900 m ³ /ngày đêm lên 10.000 m ³ /ngày đêm (Phân kỳ đầu tư, giai đoạn đến năm 2025: 5.000 m ³ /ngđ; giai đoạn đến năm 2030: 10.000 m ³ /ngđ)	Thị xã Sông Cầu	2020-2021	110.000	40.000	40.000	
3	Khảo sát, nghiên cứu, lập đề xuất Dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước Nam Phú Yên, CS 100.000 m ³ /ngày đêm, GD1: 50.000 m ³ /ngày đêm: Công tác chuẩn bị đầu tư (FS)	Khu kinh tế Nam Phú Yên	2020-2021			2.000	
4	Xây dựng hệ thống cấp nước cho thị trấn Phú Thứ sử dụng nguồn nước nhà máy nước Phú Hòa	Thị trấn Phú Hòa - huyện Phú Hòa và thị trấn Phú Thứ - huyện Tây Hòa	2020-2021	15.000		15.000	
5	Dự án cải tạo, nâng công suất mạng lưới đường ống cấp nước thành phố Tuy Hòa, gồm: Cải tạo bể lọc, trạm bơm 2; đầu tư mới kết hợp cải tạo tuyến ống chuyên tải và phân phối.	Tp. Tuy Hòa và khu vực lân cận	2020-2022	170.000		100.000	
6	Mái che cho khu xử lý nước Bình Ngọc và lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời, công suất 130kWh	Thành phố Tuy Hòa	2020-2021	7.000		1.000	
7	Cải tạo, nâng công suất Nhà máy nước Chí Thạnh và mở rộng hệ thống đường ống công suất 15.000 m ³ /ng.đ, giai đoạn 1 (đến năm 2025): 9.000	Huyện Tuy An	2020-2021	40.000		30.000	

Stt	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian Khởi công - Hoàn thành	Tổng mức đầu tư dự kiến (tr.đồng)	Kế hoạch vốn năm 2021 (tr.đồng)		Ghi chú
					Vốn góp Công đồng	Vốn đầu tư phát triển và vốn vay	
	m ³ /ng.đ						
8	Xây dựng mạng lưới đường ống cấp nước xã Hoà Trị, huyện Phú Hoà	Xã Hoà Trị, huyện Phú Hoà	2020-2021	9.000		9.000	
9	Xây dựng mạng lưới đường ống cấp nước xã Hoà An, huyện Phú Hoà	Xã Hoà An, huyện Phú Hoà	2020-2021	5.000		5.000	
10	Di dời tuyến ống truyền tải nước sạch và tuyến ống cấp nước qua cầu Trần Hưng Đạo trên Quốc Lộ 25	Thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.	2020-2021	14.000		12.000	
11	Di dời tuyến ống cấp nước D377 và các tuyến ống phân phối cấp nước - Phục vụ dự án cải tạo, nâng cấp các đoạn xung yếu trên Quốc Lộ 25	Thành phố Tuy Hòa và huyện Phú Hòa - tỉnh Phú Yên.	2020-2021	6.200		5.000	
12	Phát triển tuyến ống cấp nước khu dân cư thôn Bình Thạnh, xã An Ninh Tây, huyện Tuy An.	Thôn Bình Thạnh, xã An Ninh Tây, huyện Tuy An.	2020-2021	3.000		3.000	
13	Nâng cấp phần mềm quản lý khách hàng và thiết kế phần mềm ghi thu tiền nước trên điện thoại.	Số 05 Hải Dương, TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	2020-2021	135		135	
14	Cải tạo, thay thế một số tuyến cũ; thay đổi công nghệ, máy móc thiết bị cho các nhà máy	Tất cả các Nhà máy	2020-2021	11.000		120	
II.	Dự án đầu tư mới năm 2021			51.220		44.220	
1	Đầu tư phát triển mạng tuyến ống dịch vụ cấp nước một số khu vực Thị trấn Phú Hòa và một số xã lân cận.	Thôn Định Thắng 1 & 2, thôn Định Thọ 1, huyện Phú Hòa	2020-2021	5.500		5.500	

Stt	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian Khởi công - Hoàn thành	Tổng mức đầu tư dự kiến (tr.đồng)	Kế hoạch vốn năm 2021 (tr.đồng)		Ghi chú
					Vốn góp Cổ đông	Vốn đầu tư phát triển và vốn vay	
2	Đầu tư phát triển mạng tuyến ống dịch vụ cấp nước cho khu dân cư thôn Phú Lương, Phú Đa xã Hòa Tân Đông và Khu phố 2 phường Hòa Vinh thuộc thị xã Đông Hòa.	Thôn Phú Lương, Phú Đa xã Hòa Tân Đông và Khu phố 2 phường Hòa Vinh thuộc thị xã Đông Hòa	2020-2021	7.000		7.000	
3	Đầu tư phát triển mạng tuyến ống dịch vụ cấp nước cho khu phố 1, phường Hòa Hiệp Trung, thị xã Đông Hòa.	Khu phố 1, phường Hòa Hiệp Trung	2021	4.000		4.000	
4	Phát triển tuyến ống dịch vụ cấp nước cho các hộ dân thôn Ngọc Phước 1 xã Bình Ngọc, TP. Tuy Hòa	Thôn Ngọc Phước 1 xã Bình Ngọc	2021	820		820	
5	Phát triển tuyến ống dịch vụ cấp nước khu phố Phước Hậu 1, Phước Hậu 2, phường 9, Tp. Tuy Hòa.	Khu phố Phước Hậu 1, Phước Hậu 2, phường 9, TP. Tuy Hòa	2021	1.500		1.500	
6	Cải tạo, sửa chữa trụ sở NMN Hòa Vinh	Trụ sở NMN Hòa Vinh	2021	500		500	
7	Phát triển tuyến ống cấp nước KDC thôn Phú Mỹ, thôn Hòa Bình, xã An Dân, huyện Tuy An.	Huyện Tuy An	2021	550		550	
8	Phân vùng giám thất thoát	NMN Đồng Xuân	2021	500		500	
9	Cải tạo và phân vùng mạng lưới cấp nước nhà máy nước Hai Riêng, huyện Sông Hinh	Huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên	2021-2022	5.000		5.000	
10	Thay thế tuyến ống chuyên tải nước sạch DN250 từ trạm bơm cấp II đến ngã ba Nguyễn Huệ và Trần Phú	Huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên	2021-2022	5.000		5.000	

Stt	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian Khởi công - Hoàn thành	Tổng mức đầu tư dự kiến (tr.đồng)	Kế hoạch vốn năm 2021 (tr.đồng)		Ghi chú
					Vốn góp Cổ đông	Vốn đầu tư phát triển và vốn vay	
11	Phát triển tuyến ống cấp nước khu vực Trảng Sim thuộc thôn Thành Hội, xã Sơn Hà	Xã Sơn Hà, huyện Sơn Hà	2021	1.850		1.850	
12	Phát triển tuyến ống cấp nước xã Hòa Kiến, thành phố Tuy Hòa	Xã Hòa Kiến, thành phố Tuy Hòa	2021-2022	12.000		5.000	
13	Phát triển tuyến ống cấp nước thôn Ngọc Lãng, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa	Thôn Ngọc Lãng, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa	2021	7.000		7.000	
TỔNG CỘNG (I)+(II)				471.555	69.590	266.475	
TỔNG CHI PHÍ SỬ DỤNG CHO NĂM 2021						336.065	

4.3. Biện pháp tổ chức thực hiện kế hoạch:

a) Hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Tập trung các công tác: Cấp nước an toàn tại các nhà máy; duy trì kiểm soát chất lượng nước theo Quy chuẩn của Bộ Y tế; tuân thủ các qui định về quản lý và bảo vệ môi trường; tăng cường công tác chống thất thoát thất thu và giảm tiêu hao điện năng cho các nhà máy; áp dụng thu tiền sử dụng nước tại quây, đẩy mạnh công tác nhờ thu qua ngân hàng.

- Chú trọng công tác chăm sóc khách hàng, có giải pháp tuyên truyền vận động người dân tăng cường sử dụng nước tại những vị trí đã đầu tư mạng lưới cấp nước.

- Vận hành ổn định hệ thống xử lý nước thải thành phố Tuy Hòa theo hợp đồng với UBND thành phố Tuy Hòa; thúc đẩy thực hiện các ngành nghề kinh doanh khác như: Thi công xây lắp, tư vấn thiết kế và một số ngành nghề kinh doanh có lợi thế.

b) Đầu tư phát triển:

- Tập trung đầu tư các dự án trọng điểm của Công ty gồm: Cải tạo, nâng công suất mạng lưới đường ống cấp nước thành phố Tuy Hòa; đầu tư nâng cấp nhà máy nước khu vực Đông Bắc Sông Cầu từ 900m³/ng.đ lên 10.000m³/ng.đ;

đầu tư hệ thống cấp nước cho thị trấn Phú Thứ triển khai theo kế hoạch và khả năng huy động vốn.

- Tổ chức phân vùng, tách mạng để điều tiết lưu lượng và điều chỉnh áp lực cho từng khu vực một cách hợp lý, hiệu quả nhằm kiểm soát thất thoát nước. Đầu tư phát triển mở rộng mạng lưới cấp nước các khu vực có nhu cầu sử dụng nước.

c) Quản trị doanh nghiệp:

- Nghiên cứu, điều chỉnh bổ sung các quy chế quản trị doanh nghiệp, quản lý tài chính, nội quy lao động, các quy định quản lý hoạt động trên cơ sở các quy định của Luật Doanh nghiệp và phù hợp với thực tế hoạt động của Doanh nghiệp. Chú trọng nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị và người đứng đầu các bộ phận trong doanh nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị. Tăng cường kiểm soát công tác tài chính và tổ chức hoạt động các đơn vị quản lý trực thuộc để từng bước thực hiện cơ chế ủy quyền và chủ động quản lý kinh doanh tại cơ sở.

- Quản lý, sắp xếp lao động hợp lý nhằm nâng cao hiệu quả công việc của người lao động, đồng thời duy trì ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động. Cải tiến quy chế trả lương, xét thưởng cho người quản lý và người lao động trong Công ty. Kiểm soát vận hành Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và thực hiện công bố thông tin minh bạch.

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty:

a) *Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:* Không

b) *Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:*

Tập thể người lao động toàn Công ty luôn đoàn kết, thống nhất, cố gắng hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh được giao. Đội ngũ cán bộ người lao động Công ty có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng; đội ngũ công nhân lành nghề, nhiều kinh nghiệm. Tinh thần làm việc của phần lớn cán bộ, công nhân viên có sự thay đổi tích cực, phát huy được ý thức trách nhiệm và tinh thần tự giác trong công việc

c) *Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:*

Doanh nghiệp đã thể hiện trách nhiệm đối với cộng đồng qua các việc sau:

- Đảm bảo sản xuất, cung cấp nước ổn định, đáp ứng đủ nhu cầu dùng nước của các đối tượng khách hàng; chất lượng sản phẩm nước sạch đến người tiêu dùng luôn được kiểm soát theo Quy chuẩn của Bộ Y tế. Góp phần thực hiện thành công các nhiệm vụ an sinh xã hội của chính quyền địa phương.

- Tích cực tham gia đóng góp ủng hộ các quỹ xã hội, từ thiện do các cấp phát động. Trong năm 2020 tổng số tiền đóng góp từ nguồn quỹ của Công ty và của người lao động là hơn 815 triệu đồng.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty:

- Hoạt động sản xuất và cung ứng nước sạch của Công ty được duy trì ổn định, đáp ứng đủ nhu cầu dùng nước của các đối tượng khách hàng; chất lượng sản phẩm nước sạch đến người tiêu dùng luôn được kiểm soát theo Quy chuẩn của Bộ Y tế.

- Các hoạt động của HĐQT, BKS và Ban Điều hành được duy trì theo đúng điều lệ. Thực hiện nghiêm túc công tác công bố thông tin của Công ty đại chúng.

- Công tác tài chính kế toán được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo mục tiêu bảo toàn, phát triển vốn.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- Ban Tổng Giám đốc Công ty đã có nhiều cố gắng trong điều hành để thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020. Do tác động của dịch bệnh Covid nên chỉ tiêu sản lượng nước tiêu thụ chưa hoàn thành kế hoạch năm 2020, tuy nhiên tổng doanh thu và thu nhập trong năm cao hơn so với kế hoạch.

- Một số mục tiêu của HĐQT có đề ra nhưng thực hiện chậm gồm: Công tác đầu tư phát triển năm 2020 có nhiều tiến triển tuy nhiên chưa bảo đảm kế hoạch giao, khối lượng thực hiện giải ngân thấp (48,66 tỷ đồng); phương án tăng doanh thu từ các hoạt động ngoài sản xuất và cung ứng nước sạch chưa được chú trọng.

3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT:

3.1. Sản xuất kinh doanh:

Chỉ đạo, quản trị hoạt động sản xuất-kinh doanh của Công ty để đạt và vượt các chỉ tiêu chính của năm 2021 như sau:

- Sản lượng nước sản xuất : 15.150.000 m³;
- Sản lượng nước tiêu thụ : 12.200.000 m³;
- Tỷ lệ nước thất thoát, thất thu : 19,5%;
- Tổng doanh thu : 123.200 triệu đồng;
- Lợi nhuận trước thuế : 22.000 triệu đồng;
- Nộp ngân sách (thuế phí) : 11.000 triệu đồng;
- Tỷ lệ cổ tức : 4,0 %.

Công ty đảm bảo thực hiện tốt các giải pháp quản lý mạng lưới cấp nước và chăm sóc khách hàng để ngày càng nâng cao chất lượng dịch vụ; quản lý hiệu quả các chỉ tiêu kinh doanh nước sạch góp phần nâng cao doanh thu tiền

nước nói riêng và hiệu quả kinh doanh nói chung.

3.2. Công tác đầu tư:

Tổng mức đầu tư các dự án trong danh mục đầu tư năm 2021 là 336,065 tỷ đồng, trong đó tập trung ưu tiên thực hiện các dự án trọng điểm như sau:

- Dự án cải tạo, nâng công suất mạng lưới đường ống cấp nước thành phố Tuy Hòa, gồm: Cải tạo bể lọc, trạm bơm 2; đầu tư mới kết hợp cải tạo tuyến ống chuyên tải và phân phối trên địa bàn thành phố Tuy Hòa và khu vực lân cận. Tổng mức đầu tư 170 tỷ đồng;

- Dự án xây dựng hệ thống cấp nước cho thị trấn Phú Thứ, huyện Tây Hòa sử dụng nguồn nước nhà máy nước Phú Hòa với tổng vốn đầu tư 15 tỷ đồng,

- Dự án cải tạo, nâng công suất nhà máy nước Chí Thạnh và mở rộng hệ thống đường ống công suất 15.000m³/ngày đêm, giai đoạn 01 (đến năm 2025) 9.000m³/ ngày đêm với tổng vốn đầu tư 40 tỷ đồng.

- Dự án đầu tư nâng cấp nhà máy nước khu vực Đông Bắc Sông Cầu từ công suất 900m³/ ngày đêm lên 10.000m³/ ngày đêm, phân kỳ đầu tư, giai đoạn đến năm 2025 đạt 5.000m³/ ngày đêm; giai đoạn đến năm 2030 đạt 10.000m³/ ngày đêm với tổng số vốn đầu tư 110 tỷ đồng (trong đó, vốn góp cổ đông là 40 tỷ, vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp và huy động khác là 70 tỷ đồng);

Ngoài ra, Công ty tiếp tục triển khai mở rộng mạng lưới cấp nước trên địa bàn toàn Tỉnh để phát triển khách hàng sử dụng nước, phủ kín mạng lưới cấp nước, tăng doanh thu và góp phần phát triển kinh tế xã hội của Tỉnh.

3.3. Về quản lý:

- Sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định đã ban hành nhưng còn bất cập trong quá trình thực hiện.

- Tiếp tục chỉ đạo kiện toàn công tác tổ chức bộ máy, đảm bảo yêu cầu phân quyền; phân cấp cho các đơn vị trong Công ty để các đơn vị chủ động trong điều hành sản xuất.

- Tăng cường công tác giám sát, chỉ đạo Ban Điều hành một cách có hiệu quả trong quá trình sản xuất kinh doanh.

3.4. Về nhân sự - lao động:

- Ổn định lực lượng lao động; đảm bảo đời sống người lao động ngày được cải thiện.

- Chú trọng công tác quy hoạch nhân sự; nâng cao năng suất lao động, đào tạo lực lượng lao động tâm huyết, giỏi chuyên môn và thân thiện với khách hàng; nâng cao mức ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ yêu cầu chất lượng dịch vụ

khách hàng nói riêng và công tác quản lý nói chung ... để xây dựng Công ty ngày càng phát triển, chuyên nghiệp và hiện đại.

V. Báo cáo tài chính:

1. Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên đã được lập đúng quy định.

2. Công ty đã chọn Chi nhánh Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC tại TP Hồ Chí Minh thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên.

3. Ý kiến của đơn vị kiểm toán:

Đánh giá của đơn vị kiểm toán đối với Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên được thể hiện tại Báo cáo kiểm toán số 100321.001/BCTC.HCM ngày 10/3/2021 của Chi nhánh Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC.

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

4. Báo cáo tài chính được kiểm toán: Toàn nội dung Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán được đính kèm theo báo cáo này.

Nơi nhận:

- Các thành viên HĐQT;
- Trưởng BKS;
- Ban Tổng Giám đốc;
- Lưu VT, Tổ CBTT.

Phú Yên, ngày 31 tháng 3 năm 2021

TỔNG GIÁM ĐỐC

Đỗ Hoàng Long